TÒA ÁN NHÂN DÂN
XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM THỊ
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33 /2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018
V/v: Tranh chấp, xin ly hôn
Giữa anh H với chị Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

-Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cư
2. Bà Võ Thị Lan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh- kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2017/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp, Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/ 2017/ QĐXXST- HNGĐ ngày 13/12/2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ông Đào Lê H, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 19, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(có mặt);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 19, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Đào Lê H đề ngày 02/10/2017, thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh H với chị Đ yêu nhau được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, đến năm 2008 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, do đó anh H xin được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Theo anh H trong thời gian sống chung anh với chị Đ có với nhau một đứa con chung tên Đào Bảo Q, sinh ngày 26 /3/1997, nay đã trưởng thành

- Về tài sản chung: Theo anh H do hai người tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án gải quyết.

- Về nợ chung: Theo anh H thì hai người không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đ được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Đ vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện VKS: Về tố tụng, thẩm phán đã thực hiện đúng kể từ khi thụ lý vụ án, thẩm phán ra thông báo thụ lý và thông báo hòa giải, các đương sự tự khai, tiến hành xác minh, tống đạt cho các đương sự đầy đủ. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa HĐXX gồm có 01 thẩm phán làm chủ trì, 02 hội thẩm nhân dân, 01 thư ký ghi biên bản, HĐXX đã làm thủ tục đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX tuyên không công nhận giữa anh H với chị Đ là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1]Vê áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của anh Đào Lê H đề ngày 02/10/2017 xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Theo biên bản xác minh ngày 12/12/2017 thì chị Đ thường hăy đi làm ăn xa rồi về, chị Đ không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 06 tháng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luậ tố tụng dân.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: anh H với chị Đ yêu nhau được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa hai người càng ngày càng lớn, đến năm 2008 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, do đó anh H xin được ly hôn với chị Đ.

Qua trình bày của anh H cho thấy, khi anh H với chị Đ tổ chức lễ cưới thì hai người đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng do anh H với chị Đ không đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật anh chị không có đăng ký kết hôn nên không

được pháp luật công nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa anh H với chị Đ không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, HĐXX nghĩ nên tuyên bố không công nhận giữa anh H với chị Đ là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật .

[4]. Về con chung: Theo anh H trong thời gian sống chung anh với chị Đ có với nhau một đứa con chung tên Đào Bảo Q, sinh ngày 26 /3/1997, nay đã trưởng thành, do đó: HĐXX không đặt ra để giải quyết;

[5]. Về tài sản và nợ chung: Theo anh Đào Lê H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để gải quyết trong bản án này. Sau này nếu chị Đ cho rằng giữa chị với anh H có tài sản và nợ chung trong thời kỳ hai người chung sống thì chị Đ vẫn có quyền khởi kiện anh H ra Tòa án để yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6]Về án phí: Anh Đào Lê H là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, anh H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012543 ngày 09/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khỏan 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: không công nhân giữa anh Đào Lê H với chị Nguyễn Thị Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Đào Lê H với chị Nguyễn Thị Đ có một đứa con chung tên Đào Bảo Q, sinh ngày 26 /3/1997, nay đã trưởng thành.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản và nợ trong thời gian chung sống thì chị Đ vẫn có quyền khởi kiện anh H yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật;

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Đào Lê H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, anh H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012543 ngày 09/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh H có quyền kháng cáo. Riêng chị Đ vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TA tỉnh An Giang;
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND thị xa Tân Châu;
-THA thị xã Tân Châu;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh